

Số: 568 /TB-THQĐ

Bình Chánh, ngày 09 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO CÔNG KHAI

Về thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ khác,
hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025
của Trường Tiểu học Qui Đức

Thực hiện kế hoạch số 558 /KH-THQĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024- 2025;

Trường Tiểu học Qui Đức thông báo công khai kế hoạch thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024- 2025 như sau:

I. THU HỌC PHÍ

Không thu học phí

II. Về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND và các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục :

A. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục:

Stt	Nội dung thu	Mức thu (đồng)	Nội dung chi
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú (Mục 1, Phụ lục Nghị Quyết 13)	145.000đồng/học sinh/tháng	- 2% tổng thu nộp thuế TNDN - Chi trả lương các khoản phụ cấp và trích nộp BHXH, BHYT, BHTN cho hợp đồng giáo viên, nhân viên (thư viện, văn thư, thiết bị,...) mức từ 4.960.000đ đến 10.000.00đ. - Chi trả lương các khoản phụ cấp và trích nộp BHXH, BHYT, BHTN cho hợp đồng dịch vụ nhân viên dọn vệ sinh, bảo vệ mức từ 4.960.000đ đến 11.000.00đ. - Chi hỗ trợ CB-GV-NV tham gia công tác bán trú theo phân công của nhà trường.

			- Chi tiền mua dụng cụ vệ sinh, nước rửa tay, chổi, phí đổ rác.... - Chi hoạt động: dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, hoạt động chuyên môn - Còn lại trích cải cách tiền lương, trích lập quỹ theo quy định.
2	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu <i>(Mục 6, Phụ lục Nghị Quyết 13)</i>	25.000 đồng/học sinh/năm học	- 2% tổng thu nộp thuế TNDN - Chi trả trực tiếp cho đơn vị khám sức khỏe cho học sinh
3	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có) <i>(Mục 7.1, Phụ lục Nghị Quyết 13)</i>		
4	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số <i>(Mục 8, Nghị Quyết 13)</i>		
4.1	Sổ liên lạc điện tử	15.000đồng/học sinh/tháng	- 2% tổng thu nộp thuế TNDN - Chi trả cho trung tâm cung ứng dịch vụ .
4.2	Phần mềm ứng dụng nền tảng học tập trực tuyến eNetViet	5.000đồng/học sinh/tháng (k4,k5)	- 2% tổng thu nộp thuế TNDN - Chi trả cho trung tâm cung ứng dịch vụ .

B. Các khoản thu quản lý tổ chức các hoạt động giáo dục khác:

			động chuyên môn, hỗ trợ chi hoạt động trường: chi mua trang thiết bị lọc nước, khử khuẩn, sửa chữa nhỏ tại trường, chi bảo trì máy móc thiết bị đang dùng, khấu hao tài sản... và chi khác khi có phát sinh
4	Tiền tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học (Theo Công văn 5307 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phụ lục 2, mục 4.6)		
II Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án			
1	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030” (Theo Công văn 5307 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phụ lục 2, mục 8)	150.000 đồng/học sinh/tháng (02 tiết/tuần)	- 2% tổng thu nộp thuế TNDN - Chi tiền giảng dạy cho trung tâm trên tổng số thu. - Chi hoạt động: dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, hoạt động chuyên môn - Còn lại trích 40% cải cách tiền lương, trích lập quỹ theo quy định.
III Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân cho học sinh			
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú (Theo Công văn 5307 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phụ	200.000 đồng/học sinh/năm học	- 2% tổng thu nộp thuế TNDN - chi mua sắm vật dụng bán trú; chiếu, gối, bàn chải, kem đánh răng, ca, khăn..... - Còn lại trích cải cách tiền lương, trích lập quỹ theo quy định.

	<i>lục 2, mục 11)</i>		
2	Tiền học phẩm - học cụ - học liệu (Theo Công văn 5307 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phụ lục 2, mục 13)	15.000đ/học sinh/năm học	- 2% tổng thu nộp thuế TNDN - Chi mua giấy đề thi cho học sinh kiểm tra định kỳ
3	Tiền suất ăn trưa bán trú (Theo Công văn 5307 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phụ lục 2, mục 14)	33.000đ/học sinh/ngày	- 2% tổng thu nộp thuế TNDN - Chi thanh toán tiền suất ăn trưa bán trú cho học sinh.
4	Tiền nước uống (Theo Công văn 5307 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phụ lục 2, mục 16)	10.000đ/học sinh/tháng	- 2% tổng thu nộp thuế TNDN - Chi mua nước uống, số tiền thu nếu có tồn thì nhà trường cân đối vào tháng cuối năm.

C. Thu tiền BHYT

1	Tiền Bảo hiểm y tế học sinh	- 3 tháng: 221.130/HS - 6 tháng: 442.260đ/HS - 9 tháng: 663.390đ/HS - 12 tháng: 884.520đ/HS	Chi mua BHYT cho học sinh (Thu BHYT: thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 4767/TB-BHXH ngày 01/07/2024 của BHXH TP.HCM).
---	-----------------------------	--	---

I. HÌNH THỨC THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT:

Nhà trường triển khai việc thu học phí và các khoản thu khác bằng phương pháp không dùng tiền mặt với nhiều hình thức thông qua sử dụng “ Phầm mềm quản lý trực tuyến các nguồn thu SSC” và không giới hạn các ngân hàng thanh toán và ưu tiên các giải pháp thanh toán trên thiết bị di động, thanh toán qua các kênh thu hộ.

Lưu ý: Phụ huynh đóng tiền qua các kênh thu hộ:

- Moblie banking (Agribank, ACB, Sacombank, VPB, BIDV, MB, VIB, ViettinBank, HDBank, SaigonBank,..), Ví điện tử (Momo, Zalopay, ShopeePay, ViettelPay): Vào app => Đăng nhập tài khoản => Chọn Thanh toán hóa đơn hoặc Hóa đơn => chọn Nộp tiền học phí => Chọn nhà cung cấp THẺ HỌC ĐƯỜNG SSC/ Thu

hộ học phí qua SSC => Nhập Mã tra cứu là Mã số SSC trên giấy báo => Chọn Tiếp tục => Kiểm tra thông tin (họ tên học sinh, lớp, số tiền so với giấy báo) => Đúng thực hiện thanh toán / Sai liên hệ Bộ phận kế toán nhà trường kiểm tra.

- Đóng tiền mặt tại Hệ thống cửa hàng: Thế giới di động, Điện máy xanh, Bách hóa xanh, Circle K, FPT shop, Viettel store, GS25, VinMart.

Nơi nhận:

- PHHS Trường TiH QĐ;
- CB-GV-NV;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đình Chiến

